

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THÀNH LONG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/01/1978; Nam ☒ ; Nữ ☐ ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21, Đường số 3, Khu phố 9, phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 21, Đường số 3, Khu phố 9, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: không có; Điện thoại di động: 0913995859;

E-mail: nguyenthanchlong@iuh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2000 đến 2007: Nhân viên Xuất nhập khẩu, Công ty Cổ Phần Dệt May Thành Công.

- Từ năm 2007 đến tháng 8 năm 2009: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Công ty Aardwolf Việt Nam.

- Từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 12 năm 2013: Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 06 năm 2018: Phó khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (*Quyết định bổ nhiệm số: 1889/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 12 năm 2013*).

- Từ tháng 07 năm 2018 đến nay: Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (*Quyết định bổ nhiệm số: 1319/QĐ-ĐHCN ngày 04 tháng 6 năm 2018*).

- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 12 Nguyễn Văn Bào, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 0283.8940 390 – 158

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không có

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Cử nhân ngày 15 tháng 10 năm 2002; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (*Số hiệu văn bằng: 405520*)

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 10 tháng 06 năm 2009; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng thạc sĩ: Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh (*Số hiệu văn bằng: 050986*)

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 19 tháng 10 năm 2016; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng tiến sĩ: Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh (*Số hiệu văn bằng: 000040*)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh Phó giáo sư: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các nghiên cứu tập trung vào chuyên môn về kinh doanh và quản lý, bao gồm hai hướng chính: (1) Nghiên cứu về hành vi khách hàng, (2) Hành vi tổ chức. Hai hướng này có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững cho doanh nghiệp trong bối cảnh của chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.

13.1 Hướng nghiên cứu 1: Hành vi khách hàng

Hướng nghiên cứu hành vi khách hàng là một trong những hướng nghiên cứu quan trọng của ngành Quản trị kinh doanh. Kết quả của hướng nghiên cứu này đóng góp quan trọng về lý luận và thực tiễn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng viên đã theo đuổi hướng nghiên cứu về hành vi khách hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch từ trước khi làm luận án tiến sĩ. Ứng viên đã gặt hái được nhiều kinh nghiệm, kiến thức cần thiết phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu thể hiện qua các nghiên cứu về ý định hành vi, quyết định lựa chọn hay sự thỏa mãn của khách hàng về sản phẩm hay dịch vụ.

Như vậy, việc lựa chọn hướng nghiên cứu này một mặt giúp ứng viên nâng cao kiến thức và kết quả nghiên cứu đạt được giúp ứng viên hoàn thiện bức tranh tổng quan về nghề nghiệp quản lý và giảng dạy. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc quản lý và giảng dạy cho sinh viên, cũng như chia sẻ các kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp và học viên, sinh viên.

- Đề tài NCKH các cấp:

Số lượng: 01 (cấp cơ sở), ứng viên là chủ nhiệm đề tài. Công trình số [2], Mục 6 trong bảng đăng ký.

- Bài báo và báo cáo khoa học:

Với hướng nghiên cứu hành vi khách hàng, ứng viên đã công bố được 16 bài báo (mục 7.1a trong bảng đăng ký). Số thứ tự trong bảng đăng ký là: [15], [18], [19], [20], [22], [27], [30], [31], [32], [35], [36], [41], [42], [43], [45], [47]. Trong đó có 05 công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín gồm [31], [32], [35], [36], [42]. Các tạp chí gồm: Quality - Access to Success (Scopus, Q3); GeoJournal of Tourism and Geosites (Scopus, Q3); Sage Open (SSCI, Q1; Scopus, Q1); Communications in Computer and Information Science (Scopus, Q4).

- Sách phục vụ đào tạo:

Số lượng: 01, ứng viên là thành viên. Công trình số [2], Mục 5 trong bảng đăng ký

- Hướng dẫn Cao học:

Số lượng: 01, số thứ tự trong Mục 4: [1].

13.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi tổ chức

Bên cạnh hướng hành vi khách hàng, hướng nghiên cứu về hành vi tổ chức là một thành phần không thể thiếu trong khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Hai hướng nghiên cứu này đóng góp quan trọng về lý luận và thực tiễn cho hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Hướng nghiên cứu hành vi tổ chức như: trách nhiệm xã hội, năng lực cạnh tranh, nguồn nhân lực và thương hiệu của doanh nghiệp... cũng được ứng viên áp dụng, nghiên cứu trước và sau khi hoàn thành luận án tiến sĩ. Ứng viên đã

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
tích cực tìm hiểu về các lý thuyết quản trị, năng lực cạnh tranh, thương hiệu và trách nhiệm xã hội để ứng dụng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Các nghiên cứu gần đây của ứng viên tập trung nghiên cứu định hướng vào phát triển bền vững doanh nghiệp thông qua vai trò nguồn lực, nhân viên, sự đóng góp cho cộng đồng, sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ và du lịch.

Tóm lại, hướng nghiên cứu thứ 2 giúp ứng viên nâng cao kiến thức và kết quả nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động quản trị, đề xuất các mô hình quản trị, lãnh đạo hiệu quả nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc quản lý và giảng dạy cho sinh viên, cũng như chia sẻ các kết quả nghiên cứu với doanh nghiệp.

- *Đề tài NCKH các cấp:*

Số lượng: 01 (cấp cơ sở) và 01 (cấp tỉnh), ứng viên đều là chủ nhiệm đề tài. Công trình số [1] & [3], Mục 6 trong bảng đăng ký.

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

Với hướng nghiên cứu này, ứng viên đã công bố được 31 bài báo (mục 7.1a trong bảng đăng ký). Số thứ tự trong mẫu 1 là: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [16], [17], [21], [23], [24], [25], [26], [28], [29], [33], [34], [37], [38], [39], [40], [44], [46]. Trong đó cả 08 công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín, gồm [25], [26], [29], [33], [34], [38], [39], [40]. Các tạp chí gồm: Tourism Economics (SSCI, Q1; Scopus, Q1); Sustainability (SSCI, SCIE, Q3; Scopus, Q1); Journal of Tourism Management Research (ESCI); Management Systems in Production Engineering (Scopus, Q2); GeoJournal of Tourism and Geosites (Scopus, Q3) và Business Management (Scopus, Q4); Singapore Economic Review (SSCI, Q2; Scopus, Q2).

- *Sách phục vụ đào tạo:*

Số lượng: 01, ứng viên là thành viên và 01, ứng viên là chủ biên. Công trình số [1] & [3], Mục 5 trong bảng đăng ký.

- *Hướng dẫn Cao học:*

Số lượng: 03, số thứ tự trong Mục 4: [2], [3], [4].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Ứng viên đã hướng dẫn 04 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và đã được cấp bằng.

- Ứng viên đang là đồng hướng dẫn 2 nghiên cứu sinh trong đó:

+ Đã có 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp trường (*Theo Quyết định thành lập hội đồng cấp trường số: 820/QĐ-ĐHCN, 18/03/2025*) và đang hoàn thành các thủ tục để cấp bằng. Nghiên cứu sinh này đã xuất bản 02 bài báo trong danh mục Scopus, 01 bài thuộc ESCI, 01 bài hội thảo quốc tế và nhiều bài thuộc tạp chí chuyên ngành trong nước.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Nghiên cứu sinh thứ 2 đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn (Theo Quyết định thành lập hội đồng cấp trường số: 1478/QĐ-ĐHCN, 02/06/2025) và xuất bản 02 bài báo trong danh mục Scopus và một bài tham dự hội thảo quốc tế, đã bảo vệ thành công các chuyên đề.

- Ứng viên đã chủ nhiệm và nghiệm thu 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 01 đề tài cấp tỉnh, cụ thể:

- (1) Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp cơ sở và đã được nghiệm thu tại quyết định nghiệm thu số 1453/QĐ-ĐHCN, ngày 19/08/2013, đạt loại Giỏi.
- (2) Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp cơ sở và đã được nghiệm thu tại quyết định nghiệm thu số 2124/QĐ-ĐHCN, ngày 11/09/2023, đạt loại Tốt.
- (3) Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp tỉnh và đã được nghiệm thu tại quyết định nghiệm thu số 131/QĐ-SKHCN, ngày 15/11/2019, kết quả đạt.

- Ứng viên đã công bố 47 bài báo khoa học, trong đó 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Ứng viên đã xuất bản 03 giáo trình, trong đó 01 giáo trình với vai trò chủ biên và 02 giáo trình với vai trò tham gia. Tất cả các giáo trình đều được xuất bản bởi nhà xuất bản Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Ứng viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh) từ năm 2014 đến năm 2024. Ngoài ra, ứng viên còn đạt các danh hiệu thi đua cấp trên, chi tiết theo bảng:

TT	Danh hiệu	Cấp khen thưởng	Số quyết định	Năm khen
1.	Bằng khen Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	3804/QĐ-BCT, 21/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2016
2.	Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	3607/QĐ-BCT, 20/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2017
3.	Bằng khen Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	2967/QĐ-BCT, 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2020
4.	Bằng khen Thủ Tướng	Thủ Tướng chính phủ	656/QĐ-TTg, 31/05/2022 của Thủ Tướng Chính Phủ	2022
5.	Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	517/QĐ-BCT, 28/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2022

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên đủ phẩm chất, tiêu chuẩn của giảng viên theo qui định, cụ thể:

Về phẩm chất, đạo đức: Ứng viên luôn ý thức chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; luôn có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; tuân thủ mọi nội quy, quy định của nhà trường. Trong công tác quản lý, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn giữ gìn phẩm chất, đạo đức tốt, luôn nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cấp trên giao phó.

Về công tác quản lý, giảng dạy: Nhiệm vụ công tác chính là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý khoa với vai trò là Trường khoa Quản trị kinh doanh (QTKD), ứng viên luôn nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác xây dựng và phát triển khoa QTKD gắn với định hướng phát triển của nhà trường, cụ thể:

- *Về công tác quản lý đào tạo:* Với vai trò quản lý khoa, ứng viên chủ trì tổ chức các hoạt động đào tạo, xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các hệ đào tạo cho khoa Quản trị Kinh doanh. Từ năm 2018 đến năm 2024, ứng viên chủ trì cùng với tập thể cán bộ giảng viên của khoa QTKD xây dựng và cập nhật tất cả các chương trình đào tạo của khoa. Ngoài ra, ứng viên còn là ủy viên thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Theo quyết định số 240/QĐ-ĐHCN, ngày 30 tháng 03 năm 2020).

- *Về công tác kiểm định và đảm bảo bảo chất lượng đào tạo:* Với vai trò quản lý khoa QTKD, ứng viên luôn xem trọng công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng như: Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác học vụ (công tác thi và chấm thi, đảm bảo chất lượng và đúng theo quy định của nhà trường). Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy; tọa đàm đối thoại với sinh viên, hội thảo kết nối doanh nghiệp ở cấp bộ môn và khoa... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Năm 2019, ứng viên với vai trò chủ trì, cùng tập thể khoa QTKD tổ chức đánh giá thành công chương trình đại học ngành QTKD theo chuẩn quốc tế AUN-QA. Năm 2025 ứng viên với vai trò chủ trì, cùng tập thể khoa QTKD tổ chức đánh giá ngoài thành công 3 chương trình đào tạo gồm đại học và thạc sĩ ngành QTKD, đại học ngành Marketing theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Về năng lực giảng dạy và hướng dẫn người học: Ý thức được vai trò người giảng viên, giảng dạy ngoài nhiệm vụ còn là niềm tự hào của mình. Ứng viên tích cực tham gia giảng dạy các bậc đại học, cao học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giảng dạy, ứng viên luôn tích cực tìm tòi tài liệu để trau dồi kiến thức và đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy. Ứng viên luôn nỗ lực thực hiện tốt quy định của nhà trường về công tác giảng dạy. Trong suốt thời gian làm công tác giảng dạy, ứng viên cũng tham gia hướng dẫn

nhiều sinh viên đại học hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn 04 học viên cao học đã hoàn thành luận văn thạc sĩ và đang hướng dẫn 02 nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ. Trong quá trình hướng dẫn, ứng viên luôn khuyến khích sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh tìm kiếm và khám phá ra những vấn đề mới để tiến hành nghiên cứu. Kết quả đã có nhiều bạn tham gia nghiên cứu khoa học cũng công bố những công trình trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Về năng lực nghiên cứu khoa học: Nhận thức rõ vai trò của nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của người giảng viên trong trường đại học, ứng viên luôn chủ động tìm tòi và dành nhiều thời gian để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua kết quả ứng viên luôn hoàn thành vượt mức về định mức nghiên cứu khoa học theo quy định của nhà trường. Ứng viên chủ động tìm kiếm các đề tài để thực hiện nghiên cứu, tham gia biên soạn giáo trình, hướng dẫn sinh viên và học viên nghiên cứu khoa học, và tham gia viết bài báo khoa học.

Về học tập, nâng cao năng lực chuyên môn: Ứng viên luôn có ý thức, chủ động và không ngừng nỗ lực học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn. Ứng viên chủ động tìm kiếm và thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp nghiên cứu, các phần mềm xử lý số liệu, tham gia các câu lạc bộ khoa học. Bên cạnh đó, ứng viên cũng không ngừng tự học tập và rèn luyện nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng ngoại ngữ.

Sức khỏe: Ứng viên luôn có ý thức giữ gìn và rèn luyện sức khỏe, ứng viên duy trì đều đặn các hoạt động thể thao và tập luyện thân thể để luôn có thể đáp ứng được áp lực công việc ở cường độ cao và liên tục. Ứng viên tích cực tham gia các hoạt động văn thể mỹ của khoa và dân dất đơn vị tham gia các hoạt động của Nhà trường, đạt được nhiều thành tích cả về văn nghệ và thể thao.

Như vậy, với những thành tích trên, ứng viên nhận thấy mình có đầy đủ phẩm chất và năng lực để hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo. Ứng viên sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu và không ngừng rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức để trở thành một giảng viên thật tốt, đảm bảo ba tiêu chí giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Sự nỗ lực của ứng viên nhằm mong muốn đáp ứng những yêu cầu ngày càng phát triển của đất nước, của ngành giáo dục và Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Ứng viên đã có 15 năm 10 tháng liên tục tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (09/2009-06/2025), trong đó:

- Từ tháng 09/2009 đến tháng 12/2016: Giảng dạy, hướng dẫn các lớp ở bậc đại học, cao đẳng và trung cấp của Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 01/2017 đến nay: Giảng dạy, hướng dẫn bậc đại học và sau đại học tại Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số giờ giảng dạy và hướng dẫn trong 6 năm học cuối (trong đó 3 năm học cuối liên tục) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ được mô tả chi tiết như trong bảng 2 dưới đây:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	3	180	90	270/377,4/189
2	2020-2021	0	0	0	4	180	180	360/510,8/162
3	2021-2022	1	1	3	5	96	225	321/498,28/162
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	6	146	65	211/286,6/177
5	2023-2024	0	0	1	7	44	156	201/333,5/192
6	2024-2025	0	0	0	0	48	205	253/380,36/192

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Đà Nẵng, số bằng: 0016560; năm cấp: 14/07/2014.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Võ Minh Châu		X	X		QĐ giao số 574/QĐ-ĐHCN, ngày 27 tháng 04 năm 2021. Từ 04/2021 đến 01/2022	Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	QĐ bằng số 970/QĐ- ĐHCN, ngày 28 tháng 4 năm 2022
2	Nguyễn Quốc Trung		X	X		QĐ giao số 2058/QĐ-ĐHCN, ngày 28 tháng 12 năm 2021. Từ 12/2021 đến 9/2022	Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	QĐ cấp bằng số 2708/QĐ- ĐHCN, ngày 30 tháng 11 năm 2022
3	Kiều Nguyễn Phương Quyên		X	X		QĐ giao số 2058/QĐ-ĐHCN, ngày 28 tháng 12 năm 2021. Từ 12/2021 đến 9/2022	Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	QĐ cấp bằng số 2708/QĐ- ĐHCN, ngày 30 tháng 11 năm 2022
4	Lê Trần Bảo Hân		X	X		QĐ giao số 2436/QĐ-ĐHCN, ngày 20 tháng 10 năm 2023. Từ 10/2023 đến 06/2024	Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	QĐ cấp bằng số 2531/QĐ- ĐHCN, ngày 30 tháng 08 năm 2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS:						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Quản trị chiến lược	GT	Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2022	04	Thành viên	Trang 39 đến trang 104	Giấy xác nhận sử dụng giáo trình ngày 7 tháng 11 năm 2022
2	Nghiên cứu trong kinh doanh	GT	Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2023	06	Thành viên	Trang 38 đến trang 120	Giấy xác nhận sử dụng giáo trình ngày 15 tháng 01 năm 2024
3	Nghệ thuật lãnh đạo	GT	Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2024	05	Chủ biên	Trang 01 đến trang 60	Giấy xác nhận sử dụng giáo trình, số 28/GXN- ĐHCN, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: không.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nâng cao năng lực cạnh tranh của Đại học Công Nghiệp TP.HCM đến năm 2020	CN	26012. (Cấp trường)	04/2012 - 11/2013	QĐ thành lập HĐ nghiệm thu số 1453/QĐ-ĐHCN, ngày 19/08/2013. Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 24/08/2013.

					Xếp loại: Giỏi
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Trách nhiệm xã hội ảnh hưởng đến hình ảnh và ý định quay lại của du khách tại các điểm đến Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	CN	21.2QTKD02 (Cấp trường)	03/2022 - 09/2023	QĐ thành lập HĐ nghiệm thu số 2124/QĐ-ĐHCN, ngày 11/09/2023. Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 21/09/2023. Xếp loại: Tốt
3	Nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch sinh thái gắn với văn hóa Khmer tỉnh Sóc Trăng	CN	HĐ:10/HĐ-SKHCN. (Cấp tỉnh)	05/2018 - 10/2019	QĐ thành lập HĐ nghiệm thu số 131/QĐ-SKHCN, ngày 15/11/2019. Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 03/12/2019. Xếp loại: Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính/tác giả liên hệ	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Khảo sát và đề xuất giải pháp về nguồn nhân lực có trình độ marketing trong các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Đại học Công nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 1859-3712			9(06), trang 69-77	2011
2	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động cung ứng nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp.	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Đại học Công nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 1859-3712			3(12), trang 27-34	2013

3	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của các khách sạn tại khu vực tỉnh Bến Tre.	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Đại học Công nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 1859-3712			2(14), trang 114-122	2014
4	Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành da giày khi Việt Nam gia nhập hiệp định TPP.	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Đại học Công nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 1859-3712			5(17), trang 103-111	2014
5	Nghiên cứu các yếu tố tạo ra năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch Bến Tre.	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Đại học Công nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 1859-3712			3(20), trang 142-157	2015
6	Bàn về giải pháp phát triển bền vững du lịch Bến Tre.	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Kinh Tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			8, trang 112-114	4/2016
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tạo nên lòng trung thành đến sự cam kết của nhân viên, nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp tại Bến Tre. https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/661/533	01	Chính, liên hệ	Tạp chí khoa học (Trường Đại học Mở Tp.HCM) ISSN: 2734-3906 e-ISSN: 2734-9578 old version: 1859-3453			11(2), trang 64-80	4/2016
8	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của điểm đến: nghiên cứu trường hợp du lịch sinh thái Tiền Giang.	03	Chính, liên hệ	Tạp chí Công Thương ISSN: 0866-7756			9, trang 41-48	9/2016
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước							
9	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch Bến Tre. https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/661/533	01	Chính, liên hệ	Tạp chí khoa học (Trường Đại học Mở Tp.HCM) ISSN: 2734-3906 e-ISSN: 2734-9578		11 (theo Google Scholar)	12(1) trang 255-244	7/2017

	du.vn/index.php/econ-vi/article/view/675/547			old version: 1859-3453				
10	Ảnh hưởng của khả năng đáp ứng chuỗi cung ứng đến năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. https://doi.org/10.46242/jst-ih.v26i02.382	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			26, trang 113-126	10/2017
11	Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại HDBank, Chi nhánh Vũng Tàu	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Kinh Tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			27, trang 81-84	9/2017
12	Các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu và năng lực cạnh tranh của điểm du lịch: trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Bến Tre. https://www.researchgate.net/publication/353681172	03	Chính	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Viện Kinh Tế Việt Nam – Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, ISSN 0866-7489			8(483), trang 77-86	8/2018
13	Đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự cam kết và hiệu quả công việc của nhân sự quản lý cấp trung ở Việt Nam	02	Liên hệ	Tạp chí Kinh Tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			36, trang 143-146	12/2018
14	Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch tại TP. Hồ Chí Minh	03	Liên hệ	Tạp chí Kinh Tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			36, trang 53-56	12/2018
15	Service quality, price, customer satisfaction and customer loyalty: a study of convenience stores in Ho Chi Minh City. https://doi.org/10.46242/jst-ih.v37i01.298	02	Tham gia	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267		4 (theo Google Scholar)	37C, trang 25-35	01/2019
16	Tác động của đặc điểm tính cách Big – Five và lãnh đạo đạo đức đến sự hài lòng trong công việc, nghiên cứu trường hợp trong các hệ	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM)			41 trang 99-109	05/2019

	thống tiêu thị lớn tại Thành Phố Hồ Chí Minh <a href="https://doi.org/10.46242/jst-
iuh.v41i05.268">https://doi.org/10.46242/jst- iuh.v41i05.268			ISSN: 2525-2267				
17	Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch Tỉnh Đồng Tháp	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Công Thương ISSN: 0866-7756			11, trang 238-243	6/2019
18	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua của khách hàng đối với căn hộ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh tại Thành phố Hồ Chí Minh. <a href="https://doi.org/10.46242/jst-
iuh.v46i04.656">https://doi.org/10.46242/jst- iuh.v46i04.656	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			46 trang 149-157	04/2020
19	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ứng dụng Baemin để mua thức ăn của khách hàng ở Thành Phố Hồ Chí Minh. <a href="https://doi.org/10.46242/jst-
iuh.v50i08.957">https://doi.org/10.46242/jst- iuh.v50i08.957	03	Tham gia	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			50, trang 160-170	02/2021
20	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia chạy Grab bike của sinh viên tại TP. HCM. <a href="https://doi.org/10.46242/jst-
iuh.v50i08.954">https://doi.org/10.46242/jst- iuh.v50i08.954	03	Tham gia	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			50, trang 134-148	02/2021
21	Phát triển du lịch sinh thái gắn với văn hóa Khmer tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long. <a href="https://doi.org/10.46242/jstiu
h.v54i06.4217">https://doi.org/10.46242/jstiu h.v54i06.4217	01	Chính, liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			54, trang 67-76	06/2021
22	The impact of emotional intelligence and pressure on working stress of elementary teachers during the Covid-19 pandemic in Ho Chi Minh City. <a href="https://doi.org/10.46242/jstiu
h.v60i06.4635">https://doi.org/10.46242/jstiu h.v60i06.4635	07	Chính, liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường ĐH Công nghiệp Tp.HCM) ISSN: 2525-2267			60, trang 97-107	06/2022

23	Đánh giá độ tin cậy và giá trị của mô hình đo lường các thành phần sự hấp dẫn của nhà tuyển dụng. https://doi.org/10.32508/stdjelm.v6i4.1130	03	Tham gia	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý, ISSN 2588-1051		1 (theo Google Scholar)	6(4), trang 3612-3625	06/2022
24	Hạnh phúc trong công việc đóng vai trò trung gian giữa công bằng tổ chức và sự cam kết của nhân viên. https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/2015	02	Chính, liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (Đại học Kinh tế Quốc Dân) ISSN 1859-0012			332, trang 75-84	02/2025
II.2 Bài báo đăng trên các tạp chí nước ngoài								
25	Impacts of corporate social responsibility on the competitiveness of tourist enterprises: An empirical case of Ben Tre, Vietnam. https://doi.org/10.1177/1354816618805318	03	Tham gia	Tourism Economics, ISSN 1354-8166 eISSN 2044-0375	SSCI Q1; Scopus Q1	44 (theo Google Scholar)	25(4), trang 539-568	09/2018
26	Sustainable Development of Rural Tourism in An Giang Province, Vietnam. https://doi.org/10.3390/su10040953	02	Chính	Sustainability (Switzerland), eISSN 2071-1050	SSCI, SCIE; Scopus Q1	79 (theo Google Scholar)	10(953) trang 1-20	3/2018
27	Factors Affecting Brand and Student Decision Buying Fresh Milk: A Case Study in Ho Chi Minh City, Vietnam. https://doi.org/10.13106/jafeb.2019.vol6.no3.247	05	Tham gia	Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN 2288- 4637, eISSN: 2288-4645	Scopus Q3 (Từ 2018-2021)	33 (theo Google Scholar)	6(3), trang 247-258	08/2019
28	The Competitiveness of Soc Trang Ecotourism Associated with Khmer Culture. https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no10.1107	01	Chính, liên hệ	Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN 2288- 4637, eISSN: 2288-4645	Scopus Q3 (Từ 2018-2021)	12 (theo Google Scholar)	7(10), trang 1107-1117	10/2020
29	Factors affecting destination innovation and competitiveness at	08	Chính	Journal of Tourism Management Research, ISSN	ESCI	1 (theo Google Scholar)	10 (2), trang 200-212	12/2023

	destinations in the central highlands, Vietnam. https://doi.org/10.18488/31.v10i2.3579			2408-9117; eISSN 2313-4178				
30	Impacts of destination social responsibility on destination image and tourist revisit intention: An empirical study at tourism destinations in the Mekong delta, Vietnam. https://doi.org/10.33094/ijaef.a.v17i2.1167	06	Chính	International Journal of Applied Economics, Finance and Accounting, ISSN 2577-767X,	Scopus Q4 (Từ 2019-2024)	3 (theo Google Scholar)	17(2), trang 325-336	09/2023
31	Factors Affecting Tourist's Decision to Choose Homestay in Ben Tre Province https://doi.org/10.47750/QAS/25.198.10	01	Chính, liên hệ	Quality - Access to Success ISSN: 2668-4861 (Online) 1582-2559 (Print)	Scopus Q3	4 (theo Google Scholar)	25(198), trang 94-101	11/2023
32	Impact of destination social responsibility on destination brand equity and revisit intention at destinations in the Southeast Region, Vietnam. https://doi.org/10.30892/gtg.514spl10-1165	02	Liên hệ	GeoJournal of Tourism and Geosites, ISSN: 2065-1198, eISSN 2065-0817	Scopus Q3	3 (theo Google Scholar)	51(4), trang 1692-1702	12/2023
33	Social Capital and Entrepreneurial Performance of SMEs: The Mediating Role of Access to Entrepreneurial Resources. https://sciendo.com/article/10.2478/mspe-2024-0005	04	Tham gia	Management Systems in Production Engineering, ISSN 2450-5781,	Scopus Q2	3 (theo Google Scholar)	32(1), trang 45-53	02/2024
34	Factors affecting working happiness and organizational commitment at tourism enterprises in the Central Region, Vietnam. https://gtg.webhost.uoradea.ro/PDF/GTG-1-2024/gtg.52132-1209.pdf	03	Liên hệ	GeoJournal of Tourism and Geosites, ISSN: 2065-1198, eISSN 2065-0817	Scopus Q3	1 (theo Google Scholar)	52 (1), trang 331-339	03/2024
35	Customer responses to airline service failure:	04	Tham gia	Sage Open	SSCI Q1;	15	12(2), trang	05/2024

	perspectives from expectation disconfirmation theory. https://doi.org/10.1177/21582440241248334			ISSN: 2158-2440 (Print), 2158-2440 (Online)	Scopus Q1;	(theo Google Scholar)	1-15	
36	Barriers to the Adoption of Sharing Based Accommodations: The Role of Personal Innovativeness and Compatibility. https://doi.org/10.1177/21582440241289840	04	Chính	Sage Open ISSN: 2158-2440 (Print), 2158-2440 (Online)	SSCI Q1; Scopus Q1;	1 (theo Google Scholar)	14(4), trang 1-16	10/2024
37	Corporate social responsibility and firm performance in the financial industry in Vietnam: The mediating role of digital transformation. https://doi.org/10.55951/nurture.v18i3.735	03	Liên hệ	Nurture e-ISSN: 1994-1633; p-ISSN: 1994-1625	Scopus Q4 (Từ 2012-2024)		18(3), trang 633-648	4/2024
38	Managerial ties and operational performance of tourism businesses in Vietnam: The mediating role of resource access. https://doi.org/10.58861/tae.bm.2024.4.04	03	Tham gia	Business Managemen, ISSN: 0861-6604; eISSN:2534-8396	Scopus Q4	2 (theo Google Scholar)	17(2), trang 51-67	04/2024
39	Factors affecting brands and competitiveness of tourism destination: an analysis of the Mekong Delta. https://doi.org/10.1142/S0217590823500510	02	Chính	Singapore Economic Review, ISSN: 0217-5908 eISSN: 1793-6837	SSCI Q2; Scopus Q2	4 (theo Google Scholar)	69(8), trang 2755-2774	09/2024
40	The impact of digital transformation, corporate social responsibility and market orientation on firm performance: Evidence from Vietnamese Commercial Banks. https://doi.org/10.58861/tae.bm.2025.1.02	02	Liên hệ	Business Managemen, ISSN: 0861-6604; eISSN:2534-8396	Scopus Q4		1, trang 25-49	03/2025

II.3 Bài báo đăng trên các hội thảo khoa học quốc tế								
41	Student Entrepreneurial Intention In Covid19 Pandemic: Evidence From Vietnam https://www.researchgate.net/publication/352702599	03	Tham gia	International Conference on Business and Finance 2021, ISBN 978-604-325-6680			ICBF 2021, Trang 161-168	2021
42	The Determinants of Visit Frequency and Buying Intention at Shopping Centers in Vietnam. https://doi.org/10.1007/978-3-030-88244-0_38	02	Tham gia	Advances in Computing and Data Sciences. ICACDS 2021. Communications in Computer and Information Science	Scopus Q4	1 (theo Google Scholar)	ICACDS 2021 (1441), Trang 412-421	04/2021
43	BMA approach to impulse purchasing behavior at supermarkets. https://www.researchgate.net/publication/365779986	02	Tham gia	The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development, ISBN 9786049201677			ICATS D 2022, Trang 497-506	11/2022
44	Impact of destination social responsibility to destination resilience, the case of destinations in the southeast region, Vietnam. https://www.researchgate.net/publication/374091118	03	Liên hệ	The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development, ISBN 9786049201677			ICATS D 2022, Trang 286-296	11/2022
45	Bayesian model average for brand elements on fast food purchasing intention in Vietnam's sustainable development. https://www.researchgate.net/publication/392706622	03	Tham gia	The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development, ISBN 9786049201677			ICATS D 2022, Trang 7-18	11/2022

46	The effects of digital transformation and market orientation on firm performance of commercial joint-stock banks in Vietnam. https://www.researchgate.net/publication/392706630	02	Liên hệ	The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development, ISBN 9786049201677			ICATS D 2022, Trang 101-114	11/2022
47	The impact of artificial intelligence (AI) on brand trust and purchase decisions: a case study of consumer online shopping in the fast fashion industry in Viet Nam. https://www.researchgate.net/publication/392261230	03	Liên hệ	The 2nd business administration international conference 2025, ISBN 978-604-920-294-0			BAIC 2025, Trang 253-264	05/2025

Trong đó:

- Số lượng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau tiến sĩ: 08 bài thuộc danh mục WoS/Scopus, số thứ tự: [26], [29], [31], [32], [34], [36], [39], [40].

- **Bài theo hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự là: [15], [18], [19], [20], [22], [27], [30], [31], [32], [35], [36], [41], [42], [43], [45], [47]; (16/47 bài báo).

- **Bài theo hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự là: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [16], [17], [21], [23], [24], [25], [26], [28], [29], [33], [34], [37], [38], [39], [40], [44], [46]; (31/47 bài báo).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản nghiệm thu: QĐ, BB nghiệm thu	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh	Thư ký	QĐ giao nhiệm vụ: 1048/QĐ-ĐHCN, ngày 7/05/2018	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 2048/QĐ-ĐHCN, ngày 01/10/2018; BB NT ngày: 04/10/2018	QĐ ban hành CTĐT số 2374/QĐ-ĐHCN, ngày 30/10/2018
2	Đại học chuyên ngành quản trị nhân sự- ngành quản trị kinh doanh	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 26/QĐ-ĐHCN, ngày 13/01/2021	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 323/QĐ-ĐHCN, ngày 17/03/2021; BB NT ngày: 24/03/2021	QĐ ban hành CTĐT số 590/QĐ-ĐHCN, ngày 27/04/2021
3	Đại học chuyên ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng- ngành	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 25/QĐ-ĐHCN,	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 322/QĐ-ĐHCN, ngày 17/03/2021;	QĐ ban hành CTĐT số 591/QĐ-ĐHCN, ngày 27/04/2021

	quản trị kinh doanh		ngày 13/01/2021		BB NT ngày: 24/03/2021	
4	Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 933/QĐ-ĐHCN, ngày 07/07/2021	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 518/QĐ-ĐHCN, ngày 01/03/2022; BB NT ngày: 12/03/2022	QĐ ban hành CTĐT số 683/QĐ-ĐHCN, ngày 15 tháng 03 năm 2022
5	Tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 2355/QĐ-ĐHCN, ngày 03/10/2022	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 2542/QĐ-ĐHCN, ngày 04/11/2022; BB NT ngày: 22/11/2022	QĐ ban hành CTĐT số 2812/QĐ-ĐHCN, ngày 19 tháng 12 năm 2022
6	Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 2621/QĐ-ĐHCN, ngày 12/09/2024	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 3272/QĐ-ĐHCN, ngày 19/11/2024; BB NT ngày: 09/12/2024	QĐ ban hành CTĐT số 453/QĐ-ĐHCN, ngày 21/01/2025
7	Tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh	Chủ trì	QĐ giao nhiệm vụ: 2622/QĐ-ĐHCN, ngày 12/09/2024	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	QĐ nghiệm thu: 3259/QĐ-ĐHCN, ngày 19/11/2024; BB NT ngày: 09/12/2024	QĐ ban hành CTĐT số 452/QĐ-ĐHCN, ngày 21/01/2025

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: Không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Không

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Thành Long